

Số: **121 /2026/QĐST-HNGĐ**

An Hải, ngày 23 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 59/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

Ông **Trần Cảnh Vũ L**; sinh năm 1985; CCCD: 048085000567; HKTT: Tổ A, phường N, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở hiện tại: Tổ A, phường N, thành phố Đà Nẵng.

Bà **Huỳnh Thị Như Q**; sinh năm 1985; CCCD: 051185003482; HKTT: Tổ A, phường N, thành phố Đà Nẵng ; Chỗ ở hiện tại: Tổ A, phường N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng (cũ), hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 105/2013 ngày 12 tháng 11 năm 2013. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp. Nay ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q đã thật sự tự nguyện thuận tình ly hôn, mâu thuẫn giữa ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Trần Kinh L1; sinh ngày 11/02/2017 và Trần Kinh Hải Đ; sinh ngày 03/11/2010. Sau khi ly hôn ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q thoả thuận:

Ông Trần Cảnh Vũ L nhận trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Kinh Hải Đ. Bà Huỳnh Thị Như Q nhận trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Kinh L1. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q tự nguyện thoả thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận thoả thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q cùng xác nhận không có nợ chung.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0001106 ngày 30 tháng 01 năm 2026. Như vậy, ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 105/2013, ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý*).

- **Về quan hệ con chung:** Công nhận sự thoả thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q như sau:

Ông Trần Cảnh Vũ L nhận trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Kinh Hải Đ, sinh ngày 03/11/2010. Bà Huỳnh Thị Như Q nhận trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Kinh L1; sinh ngày 11/02/2017. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu 0001106 ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông Trần Cảnh Vũ L và bà Huỳnh Thị Như Q đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND Khu vực 2- Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- UBND phường An Hải, TP Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Hai